TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2026, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **A T**, sinh năm 1999; Căn cước số: 06209900……, cấp ngày 06/03/2026, nơi cấp: Bộ Công an.

Địa chỉ: Thôn Đắk Nên, xã Măng Bút, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị **Y M**, sinh năm 2004; Căn cước công dân số: 0623040……, cấp ngày 25/02/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã Hội.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh A T và chị Y M kết hôn ngày 05/10/2022, tại Uỷ ban nhân dân xã Đắk Nên, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum cũ nay là xã Măng Bút, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng lấy nhau còn trẻ nên thường xuyên cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tìm được tiếng nói chung, nhưng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Tiến và chị Mai đề nghị Toà án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh A T và chị Y M có 01 con chung tên Y Thị T H, sinh ngày …/…/202x. Khi ly hôn, anh Tiến và chị Mai thống nhất giao con chung Y Thị T H, sinh ngày …/…/202x, cho anh A T được

trực tiếp, trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Y M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Quá trình nuôi dưỡng, nếu xét thấy cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh A T và chị Y M xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về lệ phí ly hôn: Vợ chồng anh A T và chị Y M nộp tiền lệ phí yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của anh A T và chị Y M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh A T và chị Y M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh A T và chị Y M thống nhất giao con chung Y Thi Thu Hà, sinh ngày 09/4/2022, cho anh A T được trực tiếp, trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Y M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Quá trình nuôi dưỡng, nếu xét thấy cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh A T và chị Y M không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh A T và chị Y M không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh A T và chị Y M phải nộp tiền lệ phí yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà anh A T và chị Y M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000727 ngày 13/08/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Anh A T và chị Y M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 10 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 10 - Quảng Ngãi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xong